

Số: 1107/2024/QĐST-DS

Phú Nhuận, ngày 18 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp - Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10/9/2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 584/2024/TLST-DS ngày 27/5/2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N**

Địa chỉ: **B L, phường T, quận B, Tp .**

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng Đ** (Giấy ủy quyền số 11/UQ-NHNpĐP-TH ngày 22/02/2024)

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Kiều L**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **A Đường B, Khu phố A, phường B, Thành phố T, Tp .**

Đại diện ủy quyền: Ông **Hoàng Đình Quốc Đ1** (Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Đắc Pha L1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: **Căn hộ S, Lô D Chung cư I, phường A, Thành phố T, Tp .**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà **Huỳnh Thị Kiều L** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng N** số tiền nợ tính đến ngày 10/9/2024 là 9.649.260.274 đồng (Chín tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 1607-LAV-202200558 ký ngày 04/7/2022 giữa **Ngân hàng N** và bà **Huỳnh Thị Kiều L**, bao gồm các khoản sau:

+ Nợ gốc: 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 1.187.002.740 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu không trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bốn mươi) đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 462.257.534 (Bốn trăm sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi bốn) đồng.

Chậm nhất đến hết ngày 31/01/2025, bà **Huỳnh Thị Kiều L** có trách nhiệm phải trả xong toàn bộ khoản nợ nêu trên.

- Kể từ ngày 11/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà **Huỳnh Thị Kiều L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1607-LAV-202200558 ký ngày 04/7/2022 giữa **Ngân hàng N** và bà **Huỳnh Thị Kiều L**.

- Trường hợp sau ngày 31/01/2025, bà **Huỳnh Thị Kiều L** không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho **Ngân hàng N**, thì **Ngân hàng N** được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 11 (theo tài liệu năm 2003), tại địa chỉ **A đường số B, Phường B, Quận B, TP**. theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 829839, số vào sổ cấp GCN: CT 25330 do **Sở T** cấp ngày 15/10/2013 (Cập nhật chuyển nhượng ngày 23/12/2020 cho bà **Phan Đắc Pha L1**);

- Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên của bà **Phan Đắc Pha L1** vẫn không đủ để trả hết nợ cho **Ngân hàng N** thì bà **Huỳnh Thị Kiều L** có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho **Ngân hàng N** cho đến khi trả hết nợ.

- Ngay sau khi bà **Huỳnh Thị Kiều L** thanh toán hết nợ cho **Ngân hàng N** thì **Ngân hàng N** có trách nhiệm trả lại cho bà **Phan Đắc Pha L1** toàn bộ các giấy tờ của tài sản thế chấp được ghi nhận tại Hợp đồng thế chấp số 1607-LCP-202100394 ký ngày 20/7/2021 giữa **A** với bà **Phan Đắc Pha L1** tại **Văn phòng C**, số công chứng 003919, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí Dân sự sơ thẩm là 58.824.630 (Năm mươi tám triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi) đồng bà **Huỳnh Thị Kiều L** tự nguyện chịu.

- **H** lại cho **Ngân hàng N** số tiền tạm ứng án phí 58.529.000 (năm mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0032477 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà **Huỳnh Thị Kiều L** tự nguyện chịu và phải trả lại cho **Ngân hàng N** 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.PN;
- CCTHA DS Q.PN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Minh Thúy